

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2017/HNGĐ - ST

Ngày: 12-04-2017

**V/v Tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông PHẠM HẢI DUY

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông TRẦN VĂN HÀI

2. Ông MÃ THANH TRUNG

- Thư ký phiên tòa: Ông LƯƠNG THẾ VINH – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia
phiên tòa: (không có)***

Ngày 12 tháng 04 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh
Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2017/TLST- HNGĐ ngày
08 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản
khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2017/QĐXX-ST ngày 01
tháng 03 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị LÊ THỊ MỸ L, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **VÕ TUẤN A**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị Lê Thị Mỹ L có mặt, anh Võ Tuấn A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, Tờ tự khai ngày 06/02/2017 nguyên đơn là chị Lê Thị Mỹ L trình bày:

Do quen biết nên chị L và anh Võ Tuấn A chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013, không đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, thường xuyên cãi vã nên vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 01/2016 cho đến nay.

Về con chung có 01 con chung tên Lê Thị Minh T sinh ngày 15/11/2014 hiện đang sống cùng với chị L.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh Võ Tuấn A.

Về con chung: Chị L yêu cầu được nuôi con chung Lê Thị Minh T, sinh ngày 15/11/2014, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tờ tự khai ngày 27/02/2017 bị đơn là anh Võ Tuấn A trình bày:

Do quen biết nên anh Võ Tuấn A và chị Lê Thị Mỹ L chung sống như vợ chồng từ năm 2013, không có đăng ký kết hôn. Quan hệ vợ chồng không còn hạnh phúc do không hợp tính tình và vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 01/2016 cho đến nay.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Nay anh A cũng đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Đồng ý giao con chung là cháu Lê Thị Minh T, sinh ngày 15/11/2014 cho chị L nuôi dưỡng, anh A khỏi cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn là anh Võ Tuấn A vắng mặt. Xét thấy, bị đơn là anh Võ Tuấn A đã được Tòa án hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời bị đơn không có yêu cầu phản tố cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 của điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu ly hôn với bị đơn. Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Cho nên, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn mà tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại điều 9 và điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: theo lời khai của nguyên đơn và bị đơn cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên là Lê Thị Minh T sinh ngày 15/11/2014, hiện đang sinh sống cùng với nguyên đơn. Do nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung đồng thời bị đơn cũng có ý kiến đồng ý giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng. Xét thấy, tính đến thời điểm xét xử, cháu Thy còn dưới 36 tháng tuổi, về nguyên tắc được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên là Lê Thị Minh T sinh ngày 15/11/2014 cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại điều 15 và điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn không có yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phải đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do nguyên đơn và bị đơn khai không có tài sản chung và cũng không có nợ ai, không ai nợ lại đồng thời không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí HNST: Nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí HNST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 9, 14, 15, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 của điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Mỹ L và anh Võ Tuấn A.

[2] Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên là Lê Thị Minh T, sinh ngày 15/11/2014 cho chị Lê Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Võ Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

Anh Võ Tuấn A khỏi phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Lê Thị Mỹ L và anh Võ Tuấn A khai không có tài sản chung và cũng không có nợ ai, không ai nợ lại đồng thời không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí HNST: Chị Lê Thị Mỹ L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ, chị L đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 06339 ngày 08/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên không phải nộp tiếp.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHẠM HẢI DUY